

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN DUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN TIỀN DUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIEN DUY REAL ESTATE SERVICE AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301218412

**3. Ngày thành lập:** 25/08/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 16A, Đường Lý Đạo Thành, Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 039 7333555

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                 | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                        | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                        | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                   | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                    | 4649        |
| 6.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810(Chính) |
| 7.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820        |
| 8.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                            | 2610        |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)   | 4931        |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                      | 4932        |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                      | 5610        |
| 12. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng              | 5621        |
| 13. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                  | 5629        |
| 14. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                               | 5630        |
| 15. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm | 7810        |
| 16. | Cung ứng lao động tạm thời                                                            | 7820        |
| 17. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                    | 7830        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                          | 7911 |
| 19. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                   | 7912 |
| 20. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 21. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                       | 4101 |
| 22. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                 | 4102 |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                           | 4211 |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                            | 4212 |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                | 4221 |
| 26. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                     | 4222 |
| 27. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                      | 4223 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                       | 4229 |
| 29. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                | 4291 |
| 30. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                         | 4292 |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                                                   | 4293 |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4299 |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                  | 4311 |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312 |
| 35. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321 |
| 36. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐỒNG VĂN TIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019091015040

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 1, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 1, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐỒNG VĂN TIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 019091015040

Ngày cấp: 09/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 1, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 1, Phường Thị Cầu, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh